



Đôi điều suy ngẫm về cơ chế điều hành lãi suất VN hiện nay

THS. NGUYỄN THỊ THU HIẾU
Trưởng Cao đẳng Xây dựng số 3

Lãi suất là một trong những công cụ được ngân hàng trung ương (NHTU) sử dụng nhiều nhất không chỉ ở VN mà hầu như của tất cả các nước trên thế giới. Đây là công cụ nhạy cảm nhất và cũng là vấn đề thời sự nóng bỏng nhất, thu hút nhiều sự quan tâm của tất cả các tầng lớp xã hội VN trong thời gian gần đây.

Là một chỉ số có mối quan hệ gần như với tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của một quốc gia, do đó lãi suất được theo dõi thường xuyên

và rất chặt chẽ, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế diễn biến hết sức phức tạp thì bất kỳ một động thái dù là rất nhỏ trong điều hành chính sách tiền tệ của NHTU cũng sẽ gây tác động rất lớn cho nền kinh tế. Vậy thì tại sao trong thời gian gần đây, mặc dù NHNN VN đã liên tục đưa ra nhiều chính sách nhằm xoa dịu căng thẳng về lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM), hướng tới mục tiêu cao cả là kiềm chế lạm phát nhưng lãi suất vẫn không những không giảm mà lại càng tăng? Nguyên nhân do đâu? Làm thế nào ổn định kinh tế trong bối cảnh “bão giá” như hiện nay?

Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đánh giá sự thay đổi cơ chế điều hành lãi suất của NHNN đã ảnh hưởng đến hiện tượng này như thế nào?

1. Cơ chế điều hành lãi suất trong thời gian qua

Từ năm 1986 đến nay, chính sách lãi suất của nước ta đã trải qua những giai đoạn chủ yếu như:

a. Giai đoạn áp dụng cơ chế lãi suất theo khuôn khổ mệnh lệnh hành chính:

- Giai đoạn 1986 – 5/1992: cơ chế thực thi chính sách lãi suất cố

định. Trong giai đoạn này, lãi suất của các ngân hàng là lãi suất âm và thấp hơn nhiều so với lạm phát, người gửi tiền không những không có lãi mà giá trị của đồng vốn họ bỏ vào ngân hàng còn không được đảm bảo. Bước sang năm 1992, lạm phát đã được đẩy lùi và luôn ở mức thấp đã tạo điều kiện để chuyển sang lãi suất thực dương.

- Giai đoạn 6/1992 – 12/1995: cơ chế điều hành khung lãi suất. NHNN điều hành cơ chế lãi suất theo khung, trong đó quy định rõ sàn lãi suất tiền gửi và trần lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Căn cứ khung lãi suất này, các NHTM đưa ra các lãi suất thích hợp cho mình. Thực chất đây là bước chuyển đổi căn bản từ cơ chế lãi suất âm sang cơ chế lãi suất dương.

- Giai đoạn 1/1996 – 7/2000: cơ chế điều hành lãi suất trần. Thay thế cho khung lãi suất tối thiểu về tiền gửi và tối đa về tiền vay, NHNN chỉ quy định các mức lãi suất “trần” theo thời hạn cho vay và không chế chênh lệch giữa lãi suất cho vay với lãi suất huy động vốn bình quân ở mức 0,35%/tháng (tương đương 4,2%/năm). Cuối tháng 1-1998, quy định chênh lệch

Bảng 1: Cơ chế điều hành lãi suất thỏa thuận

Văn bản pháp luật		Cơ chế lãi suất thỏa thuận	
Ngày	Số hiệu	Lãi suất huy động	Lãi suất cho vay
30/5/02	QĐ 546/2002/QĐ-NHNN	Áp dụng trần lãi suất	Được thỏa thuận
16/5/08	QĐ 16/2008/QĐ-NHNN	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản
23/1/09	Thông tư 01/2009/TT-NHNN	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản. Riêng đối với cho vay phục vụ đời sống và cho vay thông qua phát hành thẻ tín dụng thì được thỏa thuận lãi suất
26/2/10	Thông tư 07/2010/TT-NHNN	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản	Được thỏa thuận nhưng đối với cho vay ngắn hạn phục vụ SXKD thì vẫn bị khống chế không vượt quá 150% LSCB
14/4/10	Thông tư 12/2010/TT-NHNN	Được thỏa thuận nhưng khống chế không vượt quá 150% lãi suất cơ bản	Được thỏa thuận đối với tất cả các khoản vay
03/3/11	Thông tư 02/2011/TT-NHNN	Được thỏa thuận nhưng tối đa không được vượt quá 14%/năm (bao gồm khuyến mại dưới mọi hình thức)	Được thỏa thuận đối với tất cả các khoản vay

Nguồn: [1]

lãi suất được xóa bỏ, chỉ giữ lại quy định trần lãi suất cho vay, bước đầu thực hiện tự do hóa lãi suất huy động.

- Giai đoạn 8/2000 – 5/2002: cơ chế điều hành lãi suất cơ bản kèm biên độ. Đây là giai đoạn NHNN sử dụng lãi suất cơ bản để điều hành chính sách tiền tệ. Dựa vào mức lãi suất cơ bản và biên độ dao động do NHNN công bố trong từng thời kỳ, các NHTM được phép ấn định lãi suất cho vay bằng VND phù hợp với quy định. Đối với hình thức cho vay bằng ngoại tệ bắt đầu áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận.

b. Giai đoạn áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận:

Mặc dù QĐ số 546/2002 ngày 30/5/2002 của NHNN ra đời, quy định về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại bằng đồng VN là một bước ngoặt lớn trong việc điều hành chính sách tiền tệ, ngày

càng xích lại gần hơn với quy luật thị trường. Quyết định này cũng được sự đồng tình ủng hộ của xã hội. Tuy nhiên, trước sự biến động lớn của kinh tế trong nước cũng như trên thế giới, để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, NHNN cũng đã có nhiều lần thay đổi cơ chế điều hành lãi suất cụ thể như sau:

2. Những thành công và hạn chế

a. Những thành công:

Cơ chế điều hành lãi suất của nước ta cũng đã trải qua nhiều giai đoạn, biến động theo mức độ thăng trầm của nền kinh tế. Mỗi giai đoạn lại mang những đặc điểm, nội dung và mục đích khác nhau đồng thời cũng tích lũy được một số kinh nghiệm nhất định. Có thể nói chính sách lãi suất của VN đã đạt được những mặt cơ bản sau:

Một là, chính sách lãi suất qua các lần biến đổi đã tiến dần đến tự do hóa lãi suất, chuẩn bị cho

sự hội nhập về lãi suất với nền kinh tế thế giới.

Hai là, cơ chế điều hành lãi suất ngày càng linh hoạt, lãi suất ngày càng phát huy tốt vai trò là công cụ quan trọng của chính sách tiền tệ, góp phần điều hành vĩ mô nền kinh tế trong cuộc chiến chống lạm phát hay kích thích tăng trưởng mỗi khi nền kinh tế rơi vào suy thoái.

Ba là, cơ chế điều hành lãi suất vẫn kiên trì theo đuổi chính sách lãi suất thỏa thuận, ngày càng giao quyền chủ động trong hoạt động kinh doanh cho các NHTM.

b. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc điều hành chính sách lãi suất còn có những hạn chế, cụ thể như sau:

Một là, lãi suất thị trường bị méo mó do cơ chế điều hành lãi suất.

Cuối năm 2007, khi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu

Bảng 2: Niêm yết lãi suất huy động của một số ngân hàng ngày 20/5/2011 Đvt: %/năm

Ngân hàng	Kỳ hạn (tháng)										
	KKH	1	2	3	5	6	9	12	18	24	36
VIETINBANK	3	14	14	14		14	14	14	11,5	11,5	11
BIDV	3	13,5	13,5	14		13,5	13,5	14	13	13	13
TRUSTBANK	3,6	13,4	13,4	13,4	13,4	13,4	13,4	13,4	12,4	12,4	12,4
HABUBANK	2,4	14	14	14	13,5	13,5	12	14	12	12	12
KIENLONGBANK	3,6	14	14	14	13,5	13,5	13,2	13,2	13	13,2	13
ABBANK	3	14	13,8	13,8	13	13	12,5	14	12	12	12
VIETCOMBANK	3	14	14	14	12	12	12	12	12	12	12

Nguồn: [3]

xuất hiện và lan tỏa khắp thế giới. Mặc dù vẫn giữ vững quyết tâm là tiếp tục theo đuổi chính sách tự do hóa lãi suất, nhưng trước áp lực của lạm phát, NHNN đã phải đưa ra Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng đồng VN. Theo đó, các NHTM được ấn định lãi suất kinh doanh nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố trong từng thời kỳ. Có thể nói Quyết định này đã đưa chính sách lãi suất của VN trở về đầu những năm 2000 sau bao nỗ lực để tiến đến tự do hóa lãi suất. Các NHTM lại bị trói bởi sợi dây lãi suất cơ bản. Mặc dù cơ chế điều hành lãi suất cơ bản của NHNN vào năm 2008 đã có không ít thành công, kiềm hãm được làn sóng lạm phát, đưa VN thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, nhưng do sợi dây bị trói chặt quá lâu và có quá nhiều “nút thắt” nên đã đẩy lãi suất trên thị trường thường xuyên bị méo mó, đặc biệt là lãi suất huy động. Sau nhiều bàn bạc để đi đến đồng thuận lãi suất của các NHTM, thậm chí có cả sự can thiệp của Hiệp hội ngân hàng và cứng rắn hơn đó là mệnh lệnh hành chính. Thông tư 02/2011/TT-NHNN

ngày 3/3/2011 quy định lãi suất huy động tối đa không vượt quá 14% bao gồm mọi hình thức khuyến mại, nhưng lãi suất huy động trên thị trường vẫn gia tăng. Cực chẳng đã, các NHTM phải kéo căng đường cong lãi suất thành đường thẳng khi phải niêm yết một mức lãi suất cho mọi kỳ hạn, thậm chí lãi suất kỳ hạn dài thấp hơn kỳ hạn ngắn.

Hai là, cơ chế điều hành lãi suất hiện nay nghiêng về lợi ích của các NHTM.

Từ Quyết định 16/QĐ-NHNN rồi đến Thông tư 02/2011/TT-NHNN ngày 3/3/2011 đều có quy định “thắt nút” lãi suất huy động nhưng lãi suất cho vay thì được “cởi trói” bởi hàng loạt các Thông tư hướng dẫn cho vay theo lãi suất thỏa thuận. Chẳng khác nào Nhà nước quy định giá cao nhất mà người nông dân được phép bán cho con buôn, sau đó con buôn muốn bán với giá bao nhiêu là quyền của họ. Theo quy luật tự nhiên, các NHTM dựa vào giá đầu vào để định giá đầu ra và phải đảm bảo được lợi nhuận trong kinh doanh. Trong một nền kinh tế đang có nhu cầu vốn rất cao như VN thì rủi ro do không có “đầu ra” quả thật rất hiểm. Vì vậy, trong khi Chính phủ kêu gọi người dân “thắt lưng, buộc bụng” cùng nhau chống lạm phát thì

“nồi cơm” của các NHTM vẫn không bị voi. Hậu quả sau cùng thuộc về doanh nghiệp.

Ba là, cơ chế điều hành lãi suất thường chậm so với các diễn biến của nền kinh tế.

VN phải liên tục chứng kiến những biến động trái chiều trong lãi suất và thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Có lẽ hiện tượng này bắt nguồn từ cách điều hành lãi suất thường chậm so với diễn biến thực tế. Yêu cầu cơ bản của điều hành chính sách tiền tệ chính là tính chất đi trước, dẫn dắt, định hướng. Trong khi đó, ở VN người ta dễ dàng nhận thấy hiện tượng chính sách chỉ được đề ra khi mà có quá nhiều phản nản từ thực tế, hoặc bản thân các nhà làm chính sách không thể không nhận thấy sức ép quá lớn từ thực tế, nếu không làm sẽ phải đối mặt với những hậu quả to lớn và hết sức nghiêm trọng. Chẳng hạn như, năm 2008, sau nhiều tháng các ngân hàng lâm vào tình trạng thiếu thanh khoản nặng nề, NHNN mới chấp nhận nâng lãi suất cơ bản lên 14% trong khi cơ chế điều hành lãi suất lúc này là căn cứ vào lãi suất cơ bản. Hay như, chính sách hỗ trợ lãi suất năm 2009 nên được rút lại khi những tình hình cho thấy chiều hướng phục hồi đã xuất hiện, thậm chí sự phục hồi còn khá

chắc chắn. Tuy nhiên, vào thời điểm đó có lẽ vì có quá nhiều lời phàn nàn từ phía doanh nghiệp là họ vẫn chưa tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi và vì thế có nhiều người suy ra rằng sự phục hồi là chưa chắc, nên Chính phủ vẫn tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ lãi suất. Đến lượt mình, nhiều dự án được triển khai mới và mở rộng như vậy sẽ cần một lượng tiền cực lớn để duy trì hoạt động. Hệ quả, hệ thống ngân hàng cảm thấy thiếu tiền cho vay. Do đó, lãi suất lại bị đẩy lên cao ngay lập tức và kéo dài cho đến bây giờ.

Bốn là, tạo sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, gây mất ổn định trong hệ thống ngân hàng và tình hình kinh tế vĩ mô

Bên cạnh việc âm thầm “mặc cả” đối với lãi suất huy động đằng sau các bảng niêm yết, các NHTM còn tìm mọi cách đẩy mạnh cho vay nhằm tìm kiếm lợi nhuận hoặc tiến hành các hoạt động kinh doanh mạo hiểm do sức ép phải cho vay lại với lãi cao. Điều này cũng có nghĩa là sẽ tạo sự cạnh tranh thiếu lành

manh, thậm chí cấu thành các tội phạm và vỡ nợ tín dụng dây chuyền mang tính xã hội, làm tăng tính rủi ro và nhạy cảm, sự mất ổn định của hệ thống ngân hàng và kinh tế vĩ mô trong nước.

c. Nguyên nhân hạn chế:

Với chính sách lãi suất ngày càng linh hoạt như hiện nay, việc tiến đến tự do hóa lãi suất sẽ đến gần, lúc đó lãi suất sẽ đúng với bản chất thực của nó cũng như thực hiện tốt vai trò là công cụ điều hành nền kinh tế của chính sách tiền tệ. Trong thời gian qua, NHNN đã điều hành chính sách lãi suất một cách thận trọng, linh hoạt, bám sát mục tiêu chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, cơ chế điều hành lãi suất vẫn còn những mặt chưa đạt được như trên, theo tác giả xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

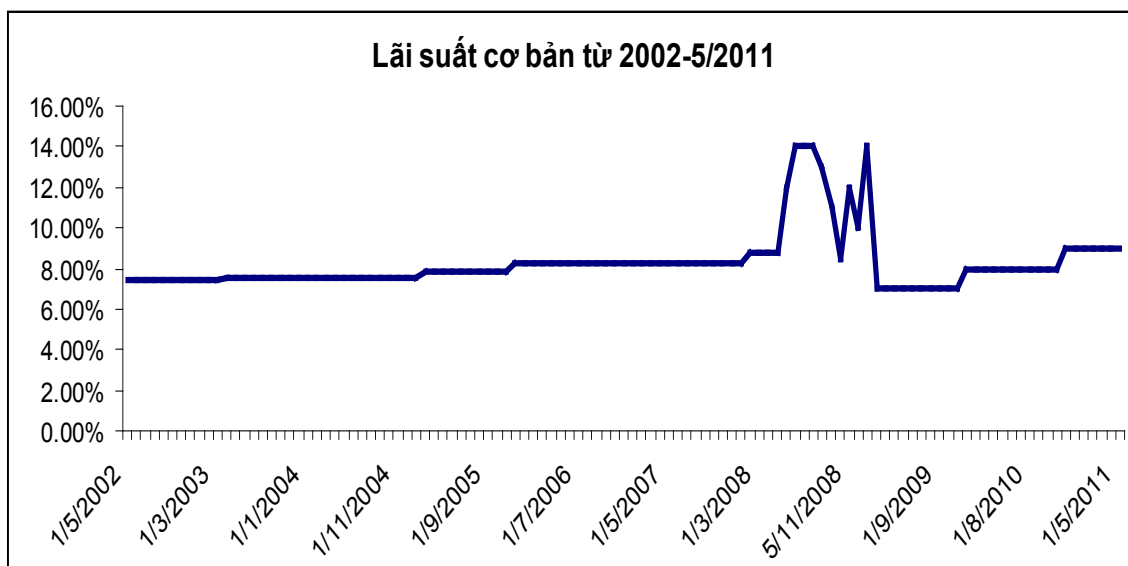
Một là, tâm lý sợ bị mất khách hàng gửi tiền của các NHTM.

Thị trường tài chính của VN đang ngày càng lớn mạnh, tạo ra nhiều kênh đầu tư hấp dẫn như vàng, ngoại tệ, chứng khoán, ... Với sự quản lý thị trường còn

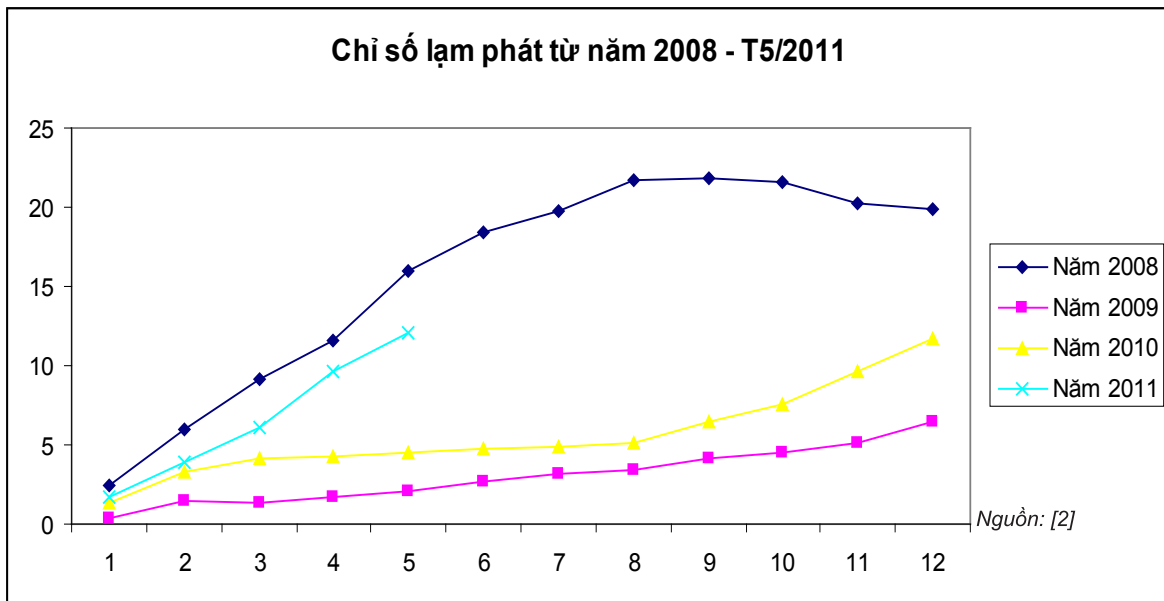
lỏng lẻo cộng thêm những hiệu ứng tâm lý đã thu hút tiền nhàn rỗi của cá nhân và doanh nghiệp vào các kênh mạo hiểm, ngay cả chính các NHTM đôi khi còn phải “săn đầu ra” ở những kênh này. Thực tế cũng cho thấy gửi ngân hàng không còn là kênh duy nhất và hấp dẫn đối với nhà đầu tư có vốn nhàn rỗi. Chính vì vậy, các NHTM luôn tìm mọi cách để thu hút khách hàng gửi tiền và rất lo sợ nếu tuột mất một khách hàng, thậm chí mất khách hàng vay không đáng ngại bằng mất khách hàng gửi vì nếu điều này xảy ra, các NHTM trở thành doanh nghiệp tự doanh. Với cơ chế lãi suất huy động được thỏa thuận nhưng bị khống chế trần như hiện nay, các ngân hàng tung ra nhiều chiêu thức để phá trần mà vẫn an toàn để giữ chân khách hàng không còn là điều quá khó.

Hai là, tín hiệu điều hành thị trường thông qua lãi suất cơ bản không rõ ràng.

Từ khi ra đời, lãi suất cơ bản đã bị rơi vào tình trạng xơ cứng, hữu danh vô thực. Đến tháng



Nguồn: [1]



5/2008, khi gặp sự biến lãi suất tăng vọt, và phải chống lạm phát, lãi suất cơ bản mới được vận dụng như là một loại lãi suất có thật. Bằng cách sử dụng quyền lực hành chính để làm công cụ neo đậu các loại lãi suất thị trường và vô tình được chức năng chống cho vay nặng lãi, lãi suất cơ bản lại một lần nữa là vấn đề tranh cãi của xã hội. Vô hình chung làm tổn thương một công cụ điều tiết rất quan trọng của ngân hàng trung ương. Chính vì vậy, lãi suất mà các NHTM niêm yết cũng chỉ mang tính đối phó, không phản ánh đúng bản chất của lãi suất và của thị trường.

Ba là, các NHTM phòng xa nguy cơ mất thanh khoản, lo sợ lập lại kịch bản lạm phát.

Với chính sách thắt chặt tiền tệ như hiện nay và chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2011 dưới 20%, mặc dù hiện nay dư nợ tăng không đáng kể nhưng các NHTM vẫn phải “tích cực phòng đối” bởi vì nỗi khiếp sợ suy tụt thanh khoản từ năm 2008 vẫn như con gà sợ cáo rình rập nhiều

ngân hàng. Đặc biệt là trong bối cảnh lạm phát tăng cao, đúng kịch bản của những năm trước đặc biệt là năm 2008 theo nhận định của nhiều chuyên gia thì việc tăng cường huy động vốn để phòng thủ là điều đương nhiên.

3. Định hướng chính sách

Trong bối cảnh lạm phát đang tăng cao như hiện nay thì việc điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất là việc làm cần thiết, tuy nhiên việc điều hành thị trường tiền tệ có hiệu quả, phù hợp với sức chịu đựng của nền kinh tế và ổn định về lâu dài thì cơ chế điều hành lãi suất cần phải thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, hiện nay hầu hết các NHTM đều tìm đủ mọi cách để “phá trần” lãi suất huy động 14%/năm, điều này dẫn đến lãi suất thị trường bị méo mó như đã phân tích, không phải vô lý và cũng không hoàn toàn có lợi cho ngân hàng. Chính vì vậy, trần lãi suất huy động 14% tỏ ra không còn phù hợp, nhưng nếu nâng trần lãi suất huy động thì càng

tạo áp lực về lãi suất cho vay, gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, rút kinh nghiệm từ thành công kiềm chế lạm phát năm 2008, NHNN nên gỡ trần lãi suất huy động, quy định lãi suất cho vay tối đa bao gồm tất cả các khoản phụ phí đi kèm. Đồng thời, tăng cường quản lý, giám sát hoạt động cho vay của NHTM, áp dụng chế tài và nếu cần thiết rút giấy phép kinh doanh để lập lại kỷ cương thị trường.

Thứ hai, áp dụng chính sách tiền tệ linh hoạt bằng công cụ thị trường mở để tăng khả năng thanh khoản cho các NHTM. Với chính sách tiền tệ thắt chặt như hiện nay thì việc ổn định lãi suất rất khó khăn, nhưng nếu nới lỏng thì lại càng không được vì áp lực lạm phát, do đó để hài hòa mục tiêu chung của nền kinh tế và xoa dịu căng thẳng về lãi suất mà một phần nguyên nhân do lo ngại mất khả năng thanh toán của các NHTM, NHNN nên áp dụng chính sách tiền tệ linh hoạt bằng công cụ thị trường mở bằng cách đa dạng các loại hàng hóa giao